

**AQUA K-OTHRINE EW20 12X1L BOT TH**Phiên bản 3 / EU
1020000117931/8
Ngày xét duyệt: 15.09.2009
Ngày in: 18.02.2011**1. NHẬN BIẾT CHẤT/CHẤT PHA CHẾ VÀ CÔNG TY/KINH DOANH****Thông tin sản phẩm**

Tên thương mại	AQUA K-OTHRINE EW20 12X1L BOT TH
Mã sản phẩm (UVP)	06477399
Công dụng	Thuốc trừ sâu
Công ty	Bayer CropScience AG Alfred-Nobel-Straße 50 40789 Monheim am Rhein Đức
Telefax	+49(0)2173-38-7394
Bộ phận chịu trách nhiệm	Quản Lý An Toàn Vật Tư và Vận Chuyển +49(0)2173-38-3409/3189 (chi trong giờ hành chính) Email: INFO.EHS@bayercropscience.com
Số điện thoại khẩn cấp	+49(0)2133-51-4233 (Sicherheitszentrale Dormagen, Bayer AG)

2. NHẬN BIẾT NGUY HIỂM**Rủi ro đối với con người và môi trường**

Nguy hiểm nếu nuốt phải.

Rất độc hại cho thủy sinh vật, có thể gây tác động xấu lâu dài trong môi trường thủy sinh.

Nguy hiểm: có thể gây thương tổn phổi nếu nuốt phải.

Phơi nhiễm liên tục có thể làm khô da hoặc nứt nẻ.

3. CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN**Tính chất hóa học**Dạng nhũ, dầu trong nước (EW)
Deltamethrin 20 g/l**Thành phần nguy hiểm**

Tên hóa học	Số CAS/ Số EC	Ký hiệu	(Các) cụm từ R	Nồng độ [%]
Deltamethrin	52918-63-5 258-256-6	T, N	R23/25, R50/53	2,00
Solvent Naphtha (petroleum), heavy aromatic	64742-94-5 265-198-5	Xn, N	R51/53, R65, R66	> 2,50 - < 25,00
Stearyl alcohol, ethoxylated	9005-00-9 500-017-8	Xi	R41	> 1,00 - < 5,00

Đề biết toàn bộ nguyên văn của cụm từ R được đề cập trong Phần này, xem Phần 16.



AQUA K-OTHRINE EW20 12X1L BOT TH

Phiên bản 3 / EU
102000011793

2/8
Ngày xét duyệt: 15.09.2009
Ngày in: 18.02.2011

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hướng dẫn chung

Cởi bỏ ngay áo quần bị nhiễm bẩn và xử lý an toàn.

Hít phải

Di chuyển ra chỗ thoáng khí. Giữ bệnh nhân ấm và thư giãn. Khi các triệu chứng dai dẳng, gọi cho bác sĩ.

Tiếp xúc da

Trong trường hợp tiếp xúc da, rửa ngay với nhiều xà phòng và nước trong vòng ít nhất 15 phút. Nước ấm có thể làm tăng mức độ kích ứng/dị cảm nghiêm trọng. Đây không phải là dấu hiệu nhiễm độc toàn thân. Trong trường hợp kích ứng da, thoa dầu hoặc lotion có chứa vitamine E. Nếu triệu chứng tiếp tục dai dẳng, hãy gọi bác sĩ.

Tiếp xúc mắt

Rửa sạch ngay với nhiều nước, cũng rửa dưới mí mắt trong vòng ít nhất 15 phút. Tháo kính sát tròng nếu có đeo và sau 5 phút đầu, sau đó tiếp tục rửa sạch mắt. Nước ấm có thể làm tăng mức độ kích ứng/dị cảm nghiêm trọng. Đây không phải là dấu hiệu nhiễm độc toàn thân. Nhỏ thuốc nhỏ mắt, nếu cần nhỏ thuốc nhỏ mắt gây tê. Đề nghị chăm sóc y tế nếu kích ứng phát triển và dai dẳng.

Ăn vào

Rửa miệng và uống nhiều ngụm nước. KHÔNG gây ới mửa. Nguy cơ sản phẩm vào phổi khi ới mửa sau khi ăn vào. Nếu nuốt phải, đề nghị tư vấn y tế ngay và trình hộp đựng hoặc bao bì này.

Lưu ý dành cho bác sĩ

Triệu chứng:

Tại chỗ: Cảm giác khác thường ở da và mắt có thể nghiêm trọng, thường nhanh chóng khi có biện pháp xử lý trong vòng 24 giờ. Kích ứng da, mắt và niêm mạc, ho

Triệu chứng:

Toàn thân: Khó chịu ở ngực, Mạch nhanh, huyết áp tăng, buồn nôn, đau bụng, tiêu chảy, ới mửa, chóng mặt, nhìn nhòe, không rõ, đau đầu, biếng ăn, tình trạng mơ màng, hôn mê, co giật, rùng mình, kiệt sức

Điều trị

Điều trị tại chỗ:

Điều trị ban đầu: theo triệu chứng

Điều trị

Điều trị toàn thân:

Điều trị ban đầu: theo triệu chứng

Theo dõi: các chức năng hô hấp và tim mạch.

Trong trường hợp nuốt phải, cần xem xét rửa dạ dày nếu nuốt phải một lượng đáng kể chỉ trong vòng 2 giờ đầu tiên. Tuy nhiên luôn cho uống than hoạt tính và sodium sulphate.

Giữ đường hô hấp sạch.

Thở khí ôxy hoặc hô hấp nhân tạo nếu cần.

Trong trường hợp co giật, nên cho uống benzodiazepine (ví dụ như diazepam) theo phát đồ chuẩn.

Nếu không có tác dụng, có thể sử dụng Phenobarbital.

Chống chỉ định: atropine



AQUA K-OTHRINE EW20 12X1L BOT TH

Phiên bản 3 / EU
102000011793

3/8
Ngày xét duyệt: 15.09.2009
Ngày in: 18.02.2011

Chống chỉ định: Các chất dẫn xuất của adrenaline
Không có thuốc giải độc cụ thể.
Hồi phục tự nhiên và không để lại di chứng.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Chất Chữa Cháy Thích Hợp

Phun nước, bọt chữa cháy, hóa chất khô hoặc carbon dioxide.

Chất chữa cháy không nên sử dụng vì lý do an toàn

Xịt một lượng nước lớn

Những nguy hiểm cụ thể trong khi chữa cháy

Các loại khí độc hại có thể phát triển trong trường hợp cháy

Thiết bị bảo vệ đặc biệt dành cho nhân viên chữa cháy

Trong trường hợp cháy, đeo bình khí thở.

Thông tin thêm

Di chuyển sản phẩm ra khỏi khu vực cháy, hoặc làm mát thùng đựng bằng nước để tránh áp suất tích tụ do nhiệt.

Nếu có thể, chứa nước chữa cháy bằng cách lập hệ thống đê bao quanh khu vực bằng cát hoặc đất.

6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ TÌNH HUỐNG HÓA CHẤT BỊ XẢ RA BẤT NGỜ

Cảnh báo cá nhân

Giữ mọi người tránh xa và theo chiều gió thổi vùng tràn đổ/rò rỉ.
Tránh tiếp xúc với sản phẩm tràn đổ hoặc các bề mặt bị nhiễm bẩn.
Khi xử lý lượng tràn đổ, không ăn, uống hay hút thuốc.

Đề phòng môi trường

Không cho phép chảy vào nước mặt, đường ống dẫn nước và nước ngầm.

Biện pháp dọn dẹp

Cho vào thùng đựng thích hợp, đậy kín để xử lý.
Dùng nhiều nước vệ sinh sạch sàn nhà và các vật dụng bị nhiễm bẩn.
Dùng vật liệu thấm hút trợ (như cát, gel silica, chất kết dính acid, chất kết dính thông thường) để thấm hút.

Hướng dẫn khác

Thông tin về xử lý an toàn, xem Phần 7.
Thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân, xem Phần 8.
Thông tin về xử lý chất thải, xem Phần 13.
Đồng thời xem xét các thủ tục tại khu vực địa phương.

**AQUA K-OTHRINE EW20 12X1L BOT TH**Phiên bản 3 / EU
1020000117934/8
Ngày xét duyệt: 15.09.2009
Ngày in: 18.02.2011**7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ****Xử lý****Hướng dẫn xử lý an toàn**

Không yêu cầu các đề phòng cụ thể khi xử lý các gói/thùng đựng chưa mở; thực hiện theo hướng dẫn xử lý bằng tay tương đương.
Chỉ sử dụng ở khu vực có hệ thống thông hút khí thải thích hợp.

Hướng dẫn phòng chống cháy nổ

Tránh nhiệt và các nguồn bắt lửa.
Hơi có thể hình thành hỗn hợp nổ với không khí.

Lưu trữ**Yêu cầu đối với các khu vực lưu trữ và thùng đựng**

Lưu trữ ở nơi mà chỉ có người có thẩm quyền mới được tiếp cận.
Tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
Đóng kín thùng đựng, đặt ở nơi khô ráo, mát mẻ và được thông gió tốt.

Hướng dẫn cách lưu trữ thông thường

Tránh xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc.

Vật liệu thích hợp

Thùng đựng được dập ép với lớp bảo vệ ethylene vinyl alcohol copolymer (EVOH) bên trong
Thùng đựng được dập ép với lớp bảo vệ polyamide (PA) bên trong
Thùng đựng được flo hóa HDPE (polyethylene mật độ cao)

8. KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN**Thành phần với các thông số kiểm soát nơi làm việc**

Thành phần	Số CAS	Thông số kiểm soát	Cập nhật	Cơ sở
Deltamethrin	52918-63-5	0,02 mg/m ³ (TWA)		OES BCS*

*OES BCS: Internal Bayer CropScience "Tiêu Chuẩn Phơi Nhiễm Nghề Nghiệp"

Hướng dẫn thêm

Quan sát: Ngưỡng phơi nhiễm trong không khí, Nhóm 3: 1000mg/m³ / 200 ppm (hydrocarbon không thơm trộn lẫn với > 25% chất thơm TRGS 901 No. 72).

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Trong điều kiện sử dụng và xử lý thông thường, vui lòng tham khảo nhãn và/hoặc tờ rơi. Trong những trường hợp khác, những đề nghị sau đây sẽ áp dụng.

Bảo vệ hô hấp

Thường không yêu cầu thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.

Chỉ bảo vệ hô hấp để kiểm soát rủi ro hoạt động ngắn hạn còn lại, khi đã thực hiện tất cả các bước hợp lý nhằm giảm phơi nhiễm tại nguồn như ngăn chặn và/hoặc thông gió cục bộ. Luôn thực hiện theo các hướng dẫn của nhà sản

**AQUA K-OTHRINE EW20 12X1L BOT TH**Phiên bản 3 / EU
1020000117935/8
Ngày xét duyệt: 15.09.2009
Ngày in: 18.02.2011

xuất bình khí thở về cách đeo và bảo trì.

Bảo vệ tay	Đeo găng tay cao su nitrile có in chữ CE (hoặc tương đương) (tối thiểu dày 0,40 mm). Giặt sạch khi bị nhiễm bẩn. Vứt bỏ khi bị nhiễm bẩn bên trong, bị rách lỗ hoặc bị nhiễm bẩn bên ngoài không thể giặt sạch. Luôn rửa sạch tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh.
Bảo vệ mắt	Đeo kính bảo hộ tuân theo EN166 (Phạm vi sử dụng 5 hoặc tương đương).
Bảo vệ da và cơ thể	Mặc áo quần bảo vệ tiêu chuẩn và loại 6. Mặc hai lớp áo quần nếu có thể. Nên mặc áo quần bảo vệ bằng polyester/vải bông hoặc vải bông dưới bộ đồ bảo hộ hóa chất và nên thường xuyên giặt tẩy chuyên nghiệp.
Các biện pháp vệ sinh	Không ăn, uống hay hút thuốc khi sử dụng. Cởi bỏ ngay áo quần bị nhiễm bẩn và giặt kỹ trước khi sử dụng lại. Rửa sạch tay ngay sau khi làm việc, tắm rửa nếu cần.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC**Hình dạng**

Hình thức	thể huyền phù, đục
Màu	trắng
Mùi	mạnh, đặc trưng

Dữ liệu an toàn

pH	3,5 – 5,0 ở 100% (20 ⁰ C)
pH	4,5 – 7,5 ở 1% (20 ⁰ C)
Nhiệt độ bắt lửa	> 450 ⁰ C Dữ liệu tham khảo dung môi naphtha petroleum.
Giới hạn nổ trên	7,00% (V) Dữ liệu tham khảo dung môi naphtha petroleum.
Giới hạn nổ dưới	0,8% (V) Dữ liệu tham khảo dung môi naphtha petroleum.
Mật độ hơi tương đối	1,00 Dữ liệu tham khảo dung môi naphtha petroleum.
Mật độ	khoảng 1,00 g/cm ³ ở 20 ⁰ C
Tính tan trong nước	có thể trộn lẫn
Độ nhớt, động lực	<= 30 mPa.s ở 20 °C Gradient tốc độ 7,5 /g
Độ nhớt, động học	khoảng 3 mm ² /s ở 40 °C
Ứng suất bề mặt	khoảng 25,7 mN/m ở 40 ⁰ C

**AQUA K-OTHRINE EW20 12X1L BOT TH**Phiên bản 3 / EU
1020000117936/8
Ngày xét duyệt: 15.09.2009
Ngày in: 18.02.2011**10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG**

Điều kiện cần tránh	Nhiệt độ quá mức và ánh nắng mặt trời trực tiếp.
Các phản ứng nguy hiểm	Không có phản ứng nguy hiểm khi lưu trữ và xử lý theo hướng dẫn miêu tả. Ổn định trong điều kiện cất trữ đề nghị.

11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC

Độc hại cấp tính qua miệng	LD50 (chuột) 304 mg/kg
Độc cấp tính qua đường hít vào	LD50 (chuột) > 5,80 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4h Nồng độ có thể đạt được cao nhất.
Độc tính cấp tính qua da	LD50 (chuột) > 50.000 mg/kg
Kích ứng da	Hơi kích ứng nhẹ – không yêu cầu dán nhãn. (thỏ)
Kích ứng mắt	Hơi kích ứng nhẹ – không yêu cầu dán nhãn. (thỏ)
Khả năng gây dị ứng	Không gây dị ứng (chuột lang) Hướng dẫn kiểm tra OECD 406, thí nghiệm Buehler
Thông tin thêm	Có thể có phản ứng nhạy cảm da như nóng hoặc châm chích trên mặt và niêm mạc. Tuy nhiên những phản ứng nhạy cảm này không gây thương tổn và có tính tạm thời (tối đa 24 giờ).

12. THÔNG TIN SINH THÁI**Thông tin bài tiết (độ bền và tính phân giải)**

Khả năng tích tụ sinh học	Cá mặt trời (Cá mang xanh) Hệ số cô động sinh học (BCF): 1.400 Giá trị được đề cập có liên quan đến hoạt chất deltamethrin.
---------------------------	---

Tác động độc tính sinh thái

Độc tính đối với cá	LC50 (Cá chép Koi (Cyprinus carpio)) 0,0539 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối với bọ nước	EC50 (Bọ chết nước (Daphnia magna)) 0,00056 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h Giá trị được đề cập có liên quan đến hoạt chất deltamethrin.
Độc tính đối với tảo	EC50 (Tảo) > 9,1 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h Giá trị được đề cập có liên quan đến hoạt chất deltamethrin.

**AQUA K-OTHRINE EW20 12X1L BOT TH**Phiên bản 3 / EU
1020000117937/8
Ngày xét duyệt: 15.09.2009
Ngày in: 18.02.2011**13. CÁC CÂN NHẮC KHI THẢI BỎ****Sản phẩm**

Theo những quy định hiện hành và sau khi tham vấn với nhà hoạt động tại hiện trường, nếu cần, và/hoặc với cơ quan có trách nhiệm, sản phẩm có thể được đưa đến khu vực xử lý chất thải hay trạm đốt rác.

Bao bì bị nhiễm bẩn

Rửa sạch ba lần thùng đựng.
Không sử dụng lại thùng rỗng.
Bao bì chưa rỗng hoàn toàn phải được xử lý như là chất thải nguy hại.

Thông tin quan trọng về chất thải đối với sản phẩm chưa sử dụng
020108 chất thải hóa nông có chứa các chất nguy hiểm

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**ADR/RID/ADNR**

Số UN	3082
Nhãn	9
Nhóm bao bì	III
Nguy hiểm số	90
Miêu tả hàng hóa	CHẤT, CHẤT LỎNG NGUY HẠI MÔI TRƯỜNG, N.O.S. (DUNG DỊCH DELTAMETHRIN)
Mã đường hầm	E

Theo nguyên tắc, phân loại này không có hợp lệ để vận chuyển bằng tàu chở dầu trên đường thủy nội địa. Vui lòng thêm khảo nhà sản xuất để biết thêm thông tin.

IMDG

Số UN	3082
Nhãn	9
Nhóm bao bì	III
EmS	F-A , S-F
Chất gây ô nhiễm nước	Chất gây ô nhiễm nước
Miêu tả hàng hóa	CHẤT, CHẤT LỎNG NGUY HẠI MÔI TRƯỜNG, N.O.S. (DUNG DỊCH DELTAMETHRIN)

IATA

Số UN	3082
Nhãn	9
Nhóm bao bì	III
Miêu tả hàng hóa	CHẤT, CHẤT LỎNG NGUY HẠI MÔI TRƯỜNG, N.O.S. (DUNG DỊCH DELTAMETHRIN)

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Phân loại và dán nhãn theo Chỉ Thị EC về chất nguy hiểm 1999/45/EC như được sửa đổi.

Phân loại:

**AQUA K-OTHRINE EW20 12X1L BOT TH**

Phiên bản 3 / EU

102000011793

8/8

Ngày xét duyệt: 15.09.2009

Ngày in: 18.02.2011

Nhãn cảnh báo nguy hiểm bắt buộc.

Thành phần nguy hiểm phải được liệt kê trên nhãn:

- Deltamethrin
- Dung môi Naphtha (dầu), chất thơm nặng

(Các) ký hiệu

Xn	Nguy hại
N	Nguy hiểm cho môi trường

(Các) cụm từ R

- R22 Độc hại nếu nuốt phải.
R50/53 Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác dụng xấu lâu dài lên môi trường thủy sinh
R65 Nguy hại: có thể gây tổn hại phổi nếu nuốt phải
R66 Phơi nhiễm liên tục có thể làm khô da hay nứt nẻ.

(Các) cụm từ S

- S35 Vật liệu này và thùng đựng của nó phải được xử lý an toàn.
S57 Sử dụng thùng đựng thích hợp để tránh làm ô nhiễm môi trường.
S62 Nếu nuốt phải, không gây ói: đề nghị chăm sóc y tế ngay lập tức và đưa thùng đựng này hoặc nhãn

Dán nhãn đặc biệt

Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, tuân theo các hướng dẫn sử dụng.

Thông tin thêm

Phân Loại theo WHO: II (Nguy hiểm vừa phải)

16. THÔNG TIN KHÁC**Thông tin thêm**

Nguyên văn của cụm từ R được đề cập trong Phần 3

- R23/25 Độc hại nếu nuốt phải và hít phải.
R41 Nguy cơ thương tổn mắt nghiêm trọng.
R50/53 Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác dụng xấu lâu dài lên môi trường thủy sinh
R51/53 Độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác dụng xấu lâu dài lên môi trường thủy sinh
R65 Nguy hại: có thể gây tổn hại phổi nếu nuốt phải
R66 Phơi nhiễm liên tục có thể làm khô da hay nứt nẻ.

Thông tin có trong Bảng Chỉ Dẫn An Toàn này được đề cập theo hướng dẫn được thiết lập bởi Quy Định (EC) 1907/2006. Bảng chỉ dẫn an toàn này bổ sung cho những hướng dẫn người sử dụng, nhưng không thay thế chúng. Thông tin có trong bảng chỉ dẫn an toàn này dựa trên kiến thức hiện có về sản phẩm được đề cập vào lúc soạn thảo. Người sử dụng nên được khuyến cáo thêm về những rủi ro có thể xảy ra khi sử dụng sản phẩm cho mục đích khác ngoài mục đích được đề cập. Những thông tin yêu cầu tuân theo pháp luật hiện hành của EEC. Người nhận phải tuân theo các yêu cầu khác của nhà nước.

Những thay đổi từ phiên bản mới nhất được làm nổi bật ở phần lề. Phiên bản này thay thế cho mọi phiên bản trước đó.